

VN-Index tiến sát vùng kháng cự, xu hướng ngắn hạn chưa rõ

Thứ Năm, Ngày 22 Tháng 10 Năm 2026 · BSC Research



VN-INDEX

1,760.63

▲ +21.96 (+1.26%)



GTKL (TỶ)

13,330

SO TB20

+8.7%

NN (TỶ)

+341.6

VN30

1,892.98

▲ +12.41 (+0.66%)



GTKL (TỶ)

7,248

SO TB20

+2.1%

NN (TỶ)

+352.7

HNX-INDEX

261.08

▼ -0.59 (-0.23%)



GTKL (TỶ)

763

SO TB20

+8.4%

NN (TỶ)

-9.5

UPCOM-INDEX

126.91

▲ +0.67 (+0.53%)



GTKL (TỶ)

387

SO TB20

-17.1%

NN (TỶ)

+3.0

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng gần 22 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,760.63 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông tăng mạnh nhất, theo sau là ngành Dầu khí và Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, UPCOM và bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản sụt giảm mạnh trong phiên hôm nay cho thấy động lực thị trường đã chững lại phần nào sau phiên tăng mạnh trước đó; lực kéo chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu Vin. Trong bối cảnh đó, VN-Index đang tiến gần vùng kháng cự cũ tại gap 1,768 – 1,778, do đó nhà đầu tư nên tiếp tục giao dịch thận trọng. Hiện tại, khả năng chỉ số tiếp tục tăng để kiểm định và lấp gap trong một đến hai phiên tới hiện tương đối cân bằng với kịch bản quay đầu điều chỉnh.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng cùng chiều với vận động của chỉ số VN30, ngoại trừ VN30F1Q.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 22/10/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+21.96** điểm, đóng cửa tại 1,760.63 điểm. HNX-Index **-0.59** điểm, đóng cửa tại 261.08 điểm. UPCoM-Index **+0.67** điểm, đóng cửa tại 126.91 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+14.94**), VHM (**+3.74**), BSR (**+1.14**), VPL (**+0.74**), TCX (**+0.59**).
- Kéo chỉ số giảm: BID (**-0.48**), LPB (**-0.43**), TCB (**-0.37**), MBB (**-0.21**), VCB (**-0.17**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13,330 tỷ đồng, giảm 22.06% so với phiên trước và cao hơn 8.7% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,329 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.4 điểm. Sàn HOSE có 148 mã tăng (3 mã trần), 89 mã tham chiếu, 165 mã giảm (2 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 341.62 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (**+239.44** tỷ), TCB (**+177.57** tỷ), VHM (**+160.57** tỷ), MSN (**+140.80** tỷ), HPG (**+59.69** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp; lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-118,733** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.51** tỷ đồng và mua ròng trên sàn UPCoM với giá trị **+2.96** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
VIC	239.44	FPT	-264.19
TCB	177.57	KDC	-95.84
VHM	160.57	STB	-85.08
MSN	140.80	ACB	-44.29
HPG	59.69	NVL	-30.58

HOSE lũy kế năm: **-118,733** tỷ 2 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,713	+0.28%	-1.19%
FTSE100	10,733	-0.29%	+0.78%
Eurostoxx	6,122	-0.38%	-0.74%
Shanghai	3,658	-2.07%	-2.90%
Nikkei	62,908	-1.82%	-7.14%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	112.46	+3.34%	+6.17%
Giá vàng	4,085	-1.34%	-2.06%
USD/VND	25,839	-0.08%	-0.13%
EUR/VND	29,024	-0.12%	-0.01%
JPY/VND	165	+0.71%	+0.56%
VN LS TPCP 10Y	4.47%	-0.1 bps	+1.1 bps
VN LS LNH 1M	5.43%	+29.3 bps	+20.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.



Mở tài khoản tại
BSC

Quét mã QR để mở tài
khoản chứng khoán trực
tuyến.

Mục lục

Tổng quan	1
Thống kê thị trường	2
Biểu đồ & dòng tiền	3
Danh mục BSC30	4
Danh mục BSC50	5
Báo cáo gần đây	6
Khuyến cáo sử dụng	7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	232.90	+4.16%	+14.94	2.62
VHM	64.00	+3.56%	+3.74	13.85
BSR	29.20	+3.91%	+1.14	8.81
VPL	85.50	+2.40%	+0.74	1.02
TCX	29.85	+2.93%	+0.59	6.79

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
PVS	32.50	+2.20%	+0.25	2.93
IDC	35.80	+2.58%	+0.22	3.24
PVI	61.80	+1.31%	+0.12	0.01
VCS	31.40	+2.61%	+0.08	0.05
MVB	12.40	+7.83%	+0.06	0.01

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	232.90	+4.16%	+8.27	2.62
VHM	64.00	+3.56%	+2.68	13.85
STB	64.10	+1.58%	+1.25	4.31
HDB	22.35	+1.13%	+0.91	23.64
HPG	21.25	+0.47%	+0.83	14.57

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
L10	29.20	+6.96%	0.01
PET	53.40	+6.91%	1.09
SMA	7.35	+6.83%	0.01
HAS	8.90	+6.71%	0.00
ORS	15.60	+6.48%	10.11

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CAR	46.50	+9.93%	0.03
TMB	48.90	+9.89%	0.03
S55	60.40	+9.82%	0.00
NBW	33.60	+9.80%	0.00
CLM	57.00	+9.62%	0.00

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BID	33.80	-0.88%	-0.48	3.80
LPB	39.00	-1.76%	-0.43	1.70
TCB	34.15	-0.73%	-0.37	22.83
MBB	19.90	-0.50%	-0.21	7.81
VCB	56.30	-0.18%	-0.17	5.45

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSF	74.60	-1.58%	-0.61	0.08
KSV	116.50	-2.43%	-0.49	0.04
HUT	12.50	-3.10%	-0.24	1.11
MBS	15.60	-1.27%	-0.11	2.80
DHT	50.00	-3.10%	-0.10	0.07

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
LPB	39.00	-1.76%	-1.32	1.70
MWG	75.30	-0.66%	-0.90	1.71
TCB	34.15	-0.73%	-0.68	22.83
SSI	20.15	-1.23%	-0.37	19.11
MBB	19.90	-0.50%	-0.35	7.81

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
STG	32.50	-6.88%	0.00
KOS	5.42	-6.87%	0.18
DTT	18.40	-6.84%	0.00
NVT	7.55	-6.79%	0.00
PMG	5.58	-6.69%	0.00

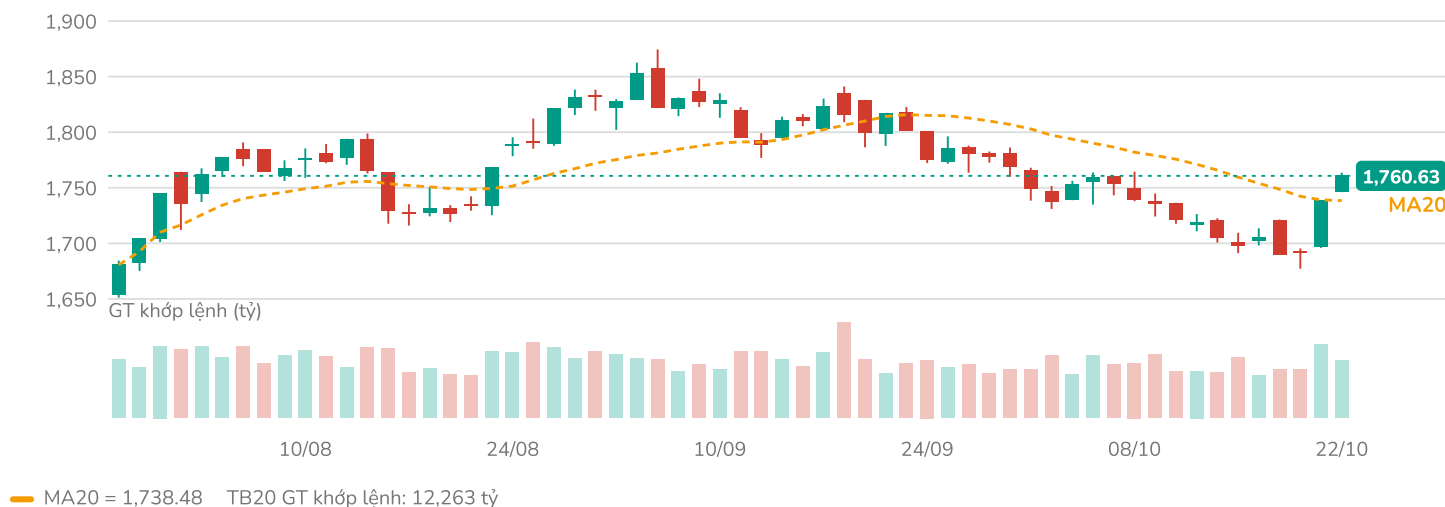
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HMH	16.20	-10.00%	0.00
V21	5.40	-10.00%	0.00
CTT	15.40	-9.94%	0.00
PPT	11.00	-9.84%	0.00
NAP	10.10	-9.82%	0.01

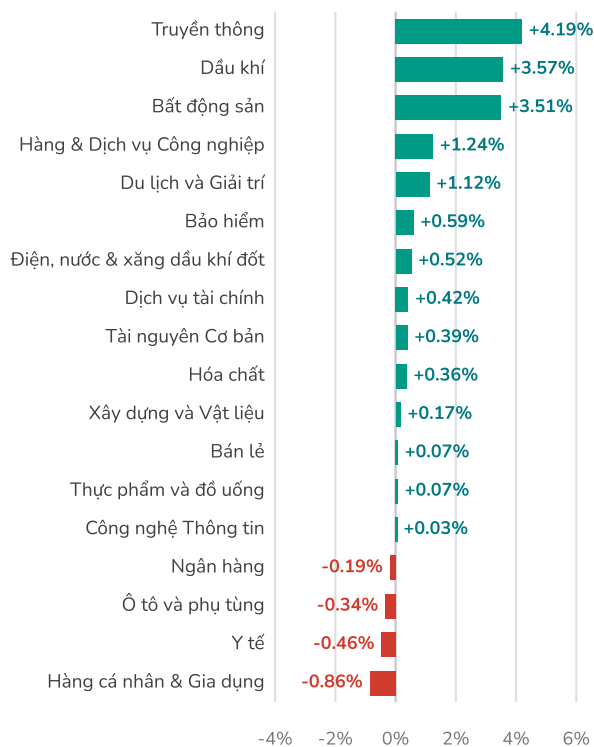
Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

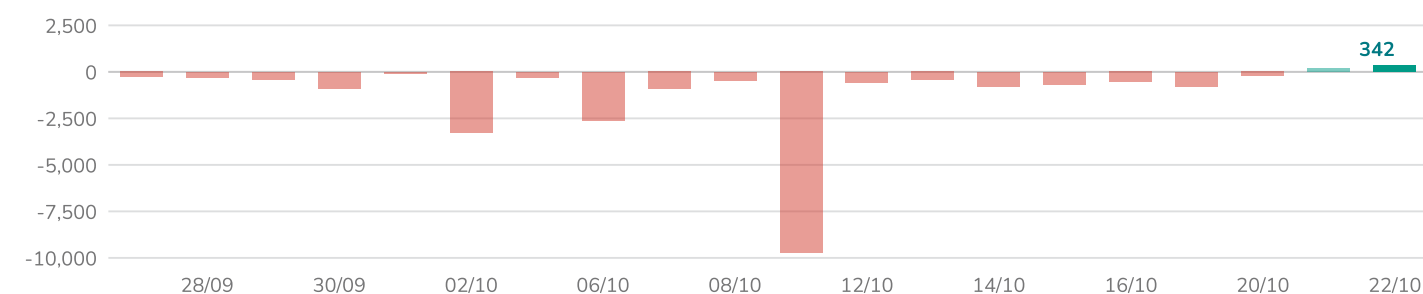
Bảng 1 - Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	+3.51%	2,685	377.2
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+1.24%	1,229	74.2
Tài nguyên Cơ bản	+0.39%	491	66.1
Hóa chất	+0.36%	390	36.3
Thực phẩm và đồ uống	+0.07%	1,143	33.6
Dịch vụ tài chính	+0.42%	1,640	28.0
Dầu khí	+3.57%	619	25.5
Xây dựng và Vật liệu	+0.17%	592	22.2
Ngân hàng	-0.19%	4,658	-33.1
Công nghệ Thông tin	+0.03%	594	-265.7

Bảng 2 - Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+0.66%	8,339	352.7
VNMID	+0.30%	5,864	-47.3
VNSML	+0.64%	990	22.2

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

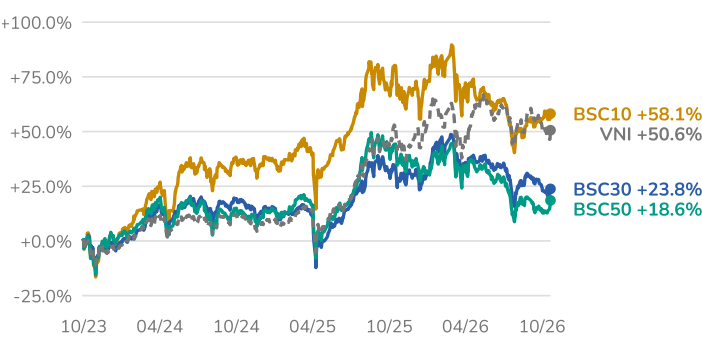
Diễn biến BSC30, BSC50

- **BSC30 +0.28%**. Các mã diễn biến tích cực: [BSR](#) (+3.91%), [VHM](#) (+3.56%), [DCM](#) (+2.62%).
- **BSC50 +0.64%**. Các mã diễn biến tích cực: [PVD](#) (+5.00%), [GMD](#) (+4.55%), [HDC](#) (+4.48%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+0.28%	+0.64%	+1.26%	+0.66%
1 tuần	+3.04%	+4.33%	+3.67%	+2.67%
1 tháng	+0.32%	+0.93%	-0.81%	-2.03%
3 tháng	+5.05%	+4.23%	+3.60%	+2.58%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích lũy



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	75.3	-0.66%	1.1	111,120	129.4	6,660	11.3	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.1	+0.18%	1.0	25,522	38.7	1,859	14.6	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	14.9	+0.34%	1.0	18,555	94.3	1,424	10.5	39.9	23.3%	Link
PDR	Bất động sản	12.1	+0.42%	1.0	12,024	76.8	619	19.5	28.2	7.1%	Link
VHM	Bất động sản	64.0	+3.56%	1.8	525,749	886.7	9,730	6.6	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	57.4	0.00%	0.7	108,241	583.4	5,324	10.8	124.4	27.9%	Link
BSR	Dầu khí	29.2	+3.91%	-	146,213	252.5	3,974	7.3	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	32.5	+2.20%	0.9	19,945	94.6	3,432	9.5	52.3	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.1	-0.62%	0.9	33,064	38.4	1,085	22.2	-	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.1	-1.23%	1.1	60,476	387.7	1,752	11.5	-	30.1%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.5	-1.02%	0.9	22,469	143.6	1,249	15.6	-	14.8%	Link
DCM	Hóa chất	35.2	+2.62%	0.9	18,661	176.2	4,939	7.1	53.3	6.7%	Link
DGC	Hóa chất	33.8	-1.31%	0.9	12,837	7.9	5,603	6.0	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.5	+0.49%	0.6	118,991	128.2	2,701	7.6	27.1	23.0%	Link
BID	Ngân hàng	33.8	-0.88%	1.0	262,904	129.2	4,250	8.0	-	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	30.6	+0.16%	1.0	237,280	235.8	5,172	5.9	53.5	24.4%	Link
HDB	Ngân hàng	22.4	+1.13%	1.0	145,428	529.4	2,942	7.6	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	19.9	-0.50%	0.9	200,368	155.0	3,224	6.2	32.4	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	15.4	-0.96%	0.7	57,658	338.9	1,573	9.8	14.0	6.5%	Link
STB	Ngân hàng	64.1	+1.58%	0.5	120,842	276.1	1,634	39.2	-	10.5%	Link
TCB	Ngân hàng	34.1	-0.73%	1.0	241,995	777.4	4,042	8.4	43.5	20.5%	Link
TPB	Ngân hàng	12.8	+0.79%	0.9	40,674	349.3	2,376	5.4	-	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	56.3	-0.18%	0.7	470,425	314.6	4,984	11.3	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	-0.35%	0.7	52,482	109.6	1,990	7.1	23.0	3.8%	Link
VPB	Ngân hàng	23.9	-0.21%	1.0	239,500	367.5	3,118	7.7	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.1	-0.62%	0.7	6,918	34.8	2,348	6.8	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.9	+0.27%	0.9	107,922	407.5	6,243	11.8	100.4	24.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.1	-0.34%	0.5	121,426	71.8	5,246	11.1	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.2	+0.47%	0.8	179,413	309.8	2,750	7.7	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.9	0.00%	0.8	8,840	34.2	813	13.5	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	45.7	-1.40%	1.0	10,208	60.4	3,780	12.1	28.9%	-	Link
FRT	Bán lẻ	151.5	-0.33%	0.8	27,090	55.4	6,359	23.8	33.6%	-	Link
BVH	Bảo hiểm	69.0	+0.88%	0.9	51,220	52.2	4,472	15.4	27.2%	-	Link
DIG	Bất động sản	10.2	-0.49%	0.9	8,569	48.8	987	10.3	2.6%	-	Link
DXG	Bất động sản	10.6	+0.47%	0.9	13,442	83.6	157	67.7	15.2%	-	Link
HDC	Bất động sản	11.7	+4.48%	0.9	2,676	65.9	2,389	4.9	1.4%	-	Link
IDC	Bất động sản	35.8	+2.58%	0.9	14,945	113.7	5,201	6.9	14.6%	-	Link
NLG	Bất động sản	23.1	+1.31%	0.9	11,230	72.9	1,407	16.4	35.4%	-	Link
SIP	Bất động sản	50.0	+1.11%	0.9	12,106	9.7	5,867	8.5	2.2%	-	Link
SZC	Bất động sản	19.6	+1.03%	1.0	3,528	19.5	891	22.0	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	12.0	+0.84%	1.0	12,040	79.4	312	38.4	9.5%	-	Link
VIC	Bất động sản	232.9	+4.16%	1.6	1,807,813	606.4	2,751	84.7	3.0%	-	Link
VRE	Bất động sản	25.3	+1.40%	1.6	57,490	140.1	3,191	7.9	11.0%	-	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	20.1	0.00%	0.9	4,693	3.7	1,692	11.9	35.9%	-	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	128.6	+0.47%	0.6	98,905	198.0	2,830	45.4	5.2%	-	Link
PLX	Dầu khí	35.9	+1.99%	0.9	46,386	115.5	2,523	14.2	14.4%	-	Link
PVD	Dầu khí	18.9	+5.00%	0.9	17,534	251.5	1,199	15.8	8.0%	-	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.2	-0.52%	1.0	7,333	12.0	1,054	18.3	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.6	-1.27%	1.1	15,615	43.8	1,562	10.0	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.6	-0.84%	1.1	30,945	245.9	1,049	22.5	6.3%	-	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	+4.55%	0.8	37,337	211.3	3,992	14.4	38.7%	-	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.9	+0.39%	0.5	9,765	19.3	6,628	7.7	3.6%	-	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.6	+2.61%	0.8	12,199	124.5	2,761	8.6	16.4%	-	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.8	-0.52%	0.7	9,650	21.2	2,199	21.7	3.9%	-	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	-3.12%	0.9	9,518	156.3	4,780	3.9	27.1%	-	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.6	+1.63%	0.7	1,829	17.8	1,872	8.3	48.2%	-	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	+1.59%	0.7	2,472	37.7	3,692	5.2	21.6%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	21.9	+0.46%	0.8	14,856	72.5	2,608	8.4	3.2%	-	Link
GVR	Hóa chất	31.9	+0.31%	1.5	127,600	50.2	1,751	18.2	0.6%	-	Link
EIB	Ngân hàng	16.9	+0.59%	1.0	31,573	132.3	264	64.2	1.0%	-	Link
LPB	Ngân hàng	39.0	-1.76%	0.8	116,504	66.7	4,048	9.6	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.2	0.00%	0.5	26,446	83.1	2,245	5.5	0.9%	-	Link
OCB	Ngân hàng	10.3	+0.98%	0.7	31,697	20.7	1,454	7.1	19.1%	-	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.9	+3.00%	1.0	5,032	36.5	2,961	6.4	1.9%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	+0.32%	0.5	11,492	159.7	256	122.8	3.7%	-	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.4	+0.23%	0.5	55,663	14.8	3,723	11.7	58.8%	-	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.5	-0.58%	0.7	10,787	11.6	6,485	7.9	17.5%	-	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.0	+3.45%	0.7	5,908	91.1	338	35.5	4.4%	-	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.1	+0.07%	0.2	11,305	20.6	15,292	9.0	82.2%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	65.5	-1.50%	0.8	7,324	38.9	7,050	9.3	46.4%	-	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	68.9	-1.57%	0.8	8,827	10.2	5,110	13.5	5.5%	-	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	30.4	+0.83%	0.8	3,605	26.1	3,530	8.6	18.4%	-	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.7	-0.20%	0.8	5,596	26.1	1,164	8.4	9.9%	-	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	19.5	+1.56%	0.6	8,020	25.1	2,809	6.9	8.2%	-	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.5	-0.32%	0.6	10,822	49.9	5,869	2.6	2.0%	-	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.2	-0.90%	0.9	19,817	24.8	3,174	13.9	1.0%	-	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.1	+1.43%	1.0	188,451	150.8	5,269	14.8	2.1%	-	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.4	-0.96%	0.9	6,287	17.9	2,298	6.7	15.8%	-	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6	-0.79%	0.8	38,501	70.2	2,049	6.1	4.0%	-	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.0	-0.54%	0.4	28,676	9.9	4,237	10.9	49.0%	-	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>